TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 3 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trưởng

Ông Lê Văn Qui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/20232/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã Lo, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Đổ Thị M, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đổ Thị M: Luật sư Phạm Duy Huy P – Văn phòng luật sư Phạm Khắc P, Đoàn luật sư thành phố C.

Địa chỉ: Phường T, quận B, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1991 ông Nguyễn Văn T và bà Đổ Thị M tổ

chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 ông T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thì bà M ở nhà không chung thủy, có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông T yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông T và bà M có 02 con chung Nguyễn Thị Diễm Tr (giới tính nữ), sinh ngày 09/11/1993 và Nguyễn Thị Diễm C (giới tính nữ), sinh ngày 07/8/1994. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà M tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị M trình bày: Bà M thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà M thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Giữa bà M và ông T đã thỏa thuận phân chia tài sản nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Luật sư Phạm Duy Huy P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đỗ Thị M đề nghị không công nhận các đương sự là vợ chồng, con chung đã trưởng thành nên không xem xét, tài sản chung tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Văn T và bị đơn Đỗ Thị M có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 có xác nhận của gia đình nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc thời gian dài thì ông T và bà M xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà M. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"*. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị M là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà M có 02 con chung Nguyễn Thị Diễm Tr (giới tính nữ), sinh ngày 09/11/1993 và Nguyễn Thị Diễm C (giới tính nữ), sinh ngày 07/8/1994. Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà M tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Luật sư là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Đổ Thị M là vợ chồng.

3. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Ông T và bà M tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*. Ông T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo lai thu số 0004440 lập ngày 20 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trưởng - Lê Văn Qui **Nguyễn Đình Tiến**